

HỎI-ĐÁP, LUẬT TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2024

VÀ LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG NĂM 2024

I. HỎI ĐÁP LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG NĂM 2024

Câu 1. Phương pháp khấu trừ thuế được pháp luật quy định như thế nào?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật thuế giá trị gia tăng, phương pháp khấu trừ thuế được quy định như sau:

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;
- Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp sử dụng hóa đơn ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật Thuế giá trị gia tăng;

c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Luật này và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 14 của Luật này.

Câu 2. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm những cơ sở kinh doanh nào?

Khoản 2 Điều 11 Luật thuế giá trị gia tăng quy định, . Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

- Cơ sở kinh doanh có doanh thu hằng năm từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 01 tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;
- Cơ sở kinh doanh tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí và khai thác dầu khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế do bên Việt Nam kê khai, khấu trừ, nộp thay.

Câu 3. Đề nghị cho biết quy định pháp luật về phương pháp tính thuế giá trị gia tăng trực tiếp?

Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định phương pháp tính thuế trực tiếp như sau:

1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.

Giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

- Đối tượng áp dụng bao gồm:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có doanh thu hằng năm dưới mức ngưỡng doanh thu 01 tỷ đồng, trừ trường hợp tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế theo quy định pháp luật;

+ Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

+ Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không bao gồm các nhà cung cấp nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật này;

+ Tổ chức khác, trừ trường hợp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này;

- Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

+ Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;

+ Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

+ Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

+ Hoạt động kinh doanh khác: 2%;

- Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

3. Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật Quản lý thuế.

Câu 4. Hành vi nào bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế?

Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong khấu trừ, hoàn thuế gồm các hành vi sau:

- Mua, cho, bán, tổ chức quảng cáo, môi giới mua, bán hóa đơn.
- Tạo lập giao dịch mua, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không có thật hoặc giao dịch không đúng quy định của pháp luật.
- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp lập hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày thông báo tạm ngừng kinh doanh.
- Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ theo quy định của Chính phủ.
- Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử về cơ quan thuế theo quy định.
- Làm sai lệch, sử dụng sai mục đích, truy cập trái phép, phá hủy hệ thống thông tin về hóa đơn, chứng từ.
- Đưa, nhận, môi giới hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác liên quan đến hóa đơn, chứng từ để được khấu trừ thuế, hoàn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, trốn thuế giá trị gia tăng.
- Thông đồng, bao che; móc nối giữa công chức quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế và cơ sở kinh doanh, người nhập khẩu, giữa các cơ sở kinh doanh, người

nhập khẩu trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ để được khấu trừ thuế, hoàn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, trốn thuế giá trị gia tăng.

Câu 5. Pháp luật quy định về cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như thế nào?

Khoản 1 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất, hàng hóa bị hao hụt tự nhiên do tính chất lý hóa trong quá trình vận chuyển;

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra;

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ;

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí được khấu trừ toàn bộ;

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng, quý nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng, quý đó. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng, quý thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được khai thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế như sau:

Người nộp thuế thực hiện khai bổ sung vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót nếu việc khai thuế vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được hoàn; người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc bị thu hồi số tiền thuế đã được hoàn tương ứng và nộp tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có).

Người nộp thuế thực hiện khai vào tháng, quý phát hiện sai, sót nếu việc khai thuế vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển sang tháng, quý sau;

- Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được tính vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ;

- Chính phủ quy định chi tiết việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với: hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động; trường hợp góp vốn bằng tài sản; hàng hóa, dịch vụ mua vào dưới hình thức ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác mà hóa đơn mang tên tổ chức, cá nhân được ủy

quyền; tài sản cố định là ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống; cơ sở sản xuất, kinh doanh tổ chức sản xuất khép kín, hạch toán tập trung.

Câu 6. Để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào thì cần đáp ứng điều kiện gì?

Khoản 2, khoản 3 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng, điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

- Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Luật này. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài;

- Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ;

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung cấp dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có). Chính phủ quy định về điều kiện khấu trừ đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác.

Cơ sở kinh doanh không đáp ứng quy định về khấu trừ thuế và các hóa đơn, chứng từ được lập từ các hành vi bị nghiêm cấm tại Luật này thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

Câu 7. Việc hoàn thuế đối với xuất khẩu được quy định như thế nào?

Khoản 1 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định việc hoàn thuế đối với xuất khẩu như sau:

- Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hoá nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác;

- Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội địa thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế. Kỳ hoàn thuế được xác định từ kỳ tính thuế giá trị gia tăng có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết liên tục chưa được hoàn thuế đến kỳ tính thuế có đề nghị hoàn thuế.

Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế giá trị gia tăng đầu vào hạch toán riêng được và số thuế giá trị gia tăng đầu vào được xác định theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế giá trị gia tăng được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được xác định cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhưng chưa được hoàn do vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế trước được khấu trừ vào kỳ tính thuế tiếp theo để xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu kỳ hoàn thuế tiếp theo.

Câu 8. Đề nghị cho biết quy định của pháp luật về hoàn thuế đối với đầu tư?

Khoản 2 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định việc hoàn thuế đối với đầu tư được quy định như sau:

- Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật về đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành (bao gồm cả dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành) nhưng cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng phát sinh trong giai đoạn đầu tư (hạng mục đầu tư, giai đoạn đầu tư đã hoàn thành) thì cơ sở kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành.

Ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn, hạng mục đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của giai đoạn, hạng mục đầu tư. Doanh thu quy định tại khoản này không bao gồm doanh thu phát sinh trong giai đoạn chạy thử, doanh thu hoạt động tài chính, thanh lý nguyên vật liệu của dự án đầu tư;

- Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp sau đây:

+ Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động, trừ dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

+ Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản (không bao gồm dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí) và dự án đầu tư sản xuất sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này.

Câu 9. Đề nghị cho biết cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế phải đáp ứng điều kiện nào theo quy định của pháp luật?

Khoản 9 Điều 15 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định, **cơ sở** kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế phải đáp ứng điều kiện sau đây:

- Cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp được hoàn thuế theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này phải là cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh;

- Đáp ứng quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào và không thuộc trường hợp không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

- Người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế.

Câu 10. Luật Thuế giá trị gia tăng quy định như thế nào về hóa đơn, chứng từ?

Điều 16 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định, việc mua bán hàng hóa, dịch vụ phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

- Cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp khấu trừ thuế sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng. Trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng mà trên hóa đơn giá trị gia tăng không ghi khoản thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán ghi trên hóa đơn nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

- Cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp tính trực tiếp sử dụng hóa đơn bán hàng.

Đối với các loại tem, vé, thẻ là chứng từ thanh toán in sẵn giá thanh toán thì giá thanh toán tem, vé, thẻ đó đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Câu 11. Tôi được biết sau khi Luật Thuế giá trị gia tăng được ban hành thì Luật Thuế thu nhập cá nhân có sửa đổi, bổ sung một điều về thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Xin hỏi điều này có đúng không?

Điều 17 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định sửa đổi bổ sung khoản 1, Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2012 và năm 2014) như sau:

“1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;

b) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có doanh thu dưới mức quy định tại khoản 25 Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng.”

Câu 12. Tôi được biết Quốc hội mới thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng. Xin hỏi, theo quy định của Luật mới thì thuế giá trị gia tăng là gì? Đối tượng nào phải chịu thuế giá trị gia tăng?

Luật Thuế giá trị gia tăng được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024, theo đó, tại Điều 2 của Luật quy định thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Đồng thời, Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định đối tượng chịu thuế là hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng không chịu thuế theo quy định pháp luật.

Câu 13. Đơn vị quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử có phải là người nộp thuế không?

Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng, tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, nền tảng số.

Bên cạnh đó, Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng còn quy định về các đối tượng là người nộp thuế như sau:

- Tổ chức, hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh).

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là người nhập khẩu).

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này; tổ chức sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí và khai thác dầu khí của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam.

- Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài); tổ chức là nhà quản lý nền tảng số nước ngoài thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài; tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế mua dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thông qua kênh thương mại điện tử hoặc các nền tảng số thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài.

Câu 14. Ông X sau thời gian dài thuê nhà ở công vụ được nhà nước bán lại căn nhà đó. Xin hỏi, trường hợp này có phải chịu thuế giá trị gia tăng không?

Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2024 quy định về đối tượng không chịu thuế, theo đó có 27 đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, trong đó có trường hợp “Nhà ở thuộc tài sản công do Nhà nước bán cho người đang thuê”.

Đối chiếu với trường hợp ông X, sau thời gian đang thuê nhà ở công vụ, ông được Nhà nước bán căn nhà đó thì trường hợp này không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

Câu 15. Tôi có đưa con mèo của tôi đi khám tại phòng khám thú y, sau khi kê các dịch vụ cần thanh toán, nhân viên phòng khám đã kê thêm 8% thuế giá trị gia tăng. Khi về nhà, em gái tôi đã thông tin lại dịch vụ khám chữa bệnh cho vật nuôi không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Xin hỏi, em gái tôi nói có đúng không?

Thông tin em gái bạn cung cấp là đúng, dịch vụ thú y bao gồm: dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho vật nuôi thì không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Điều này đã được Luật thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm c khoản 10 Điều 5 về các đối tượng không chịu thuế. Vì vậy, bạn có thể đến trao đổi lại với phòng khám để làm rõ vấn đề này.

Câu 16. Đề nghị cho biết quy định về đối tượng không chịu thuế?

Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng gồm 27 đối tượng sau:

1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

2. Sản phẩm giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

3. Thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi; thức ăn thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản.

4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl).

5. Nhà ở thuộc tài sản công do Nhà nước bán cho người đang thuê.

6. Tươi, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

7. Chuyển quyền sử dụng đất.

8. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm; bảo hiểm các công trình, thiết bị dầu khí, tàu chứa dầu mang quốc tịch nước ngoài do nhà thầu dầu khí hoặc nhà thầu phụ nước ngoài thuê để hoạt động tại vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn mà Việt Nam và các quốc gia có bờ biển tiếp liền hay đối diện đã thỏa thuận đặt dưới chế độ khai thác chung.

9. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, thương mại sau đây:

a) Dịch vụ cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và các khoản phí được nêu cụ thể tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài;

b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng;

c) Kinh doanh chứng khoán bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ

đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

d) Chuyển nhượng vốn bao gồm chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào tổ chức kinh tế khác (không phân biệt có thành lập hay không thành lập pháp nhân mới), chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp mua kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bán theo quy định của pháp luật. Chuyển nhượng vốn quy định tại điểm này không bao gồm chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản;

đ) Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu;

e) Kinh doanh ngoại tệ;

g) Sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại, bao gồm: hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; hợp đồng quyền chọn mua, chọn bán và sản phẩm phái sinh khác;

h) Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán nợ để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

10. Các dịch vụ y tế, dịch vụ thú y sau đây:

a) Dịch vụ y tế bao gồm: dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người, dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch, dịch vụ điều dưỡng sức khỏe, phục hồi chức năng cho người bệnh; dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật; vận chuyển người bệnh, dịch vụ cho thuê phòng bệnh, giường bệnh của các cơ sở y tế; xét nghiệm, chiếu, chụp; máu và chế phẩm máu dùng cho người bệnh.

Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật bao gồm cả chăm sóc về y tế, dinh dưỡng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, vật lý trị liệu, phục hồi chức năng cho người cao tuổi, người khuyết tật.

Trường hợp trong gói dịch vụ chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế bao gồm cả sử dụng thuốc chữa bệnh thì khoản thu từ tiền thuốc chữa bệnh nằm trong gói dịch vụ chữa bệnh cũng thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;

b) Dịch vụ thú y bao gồm: dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho vật nuôi.

11. Dịch vụ tang lễ.

12. Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình trở lên) đối với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

13. Hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền.

16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện, phương tiện thủy nội địa.

17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; máy bay, trực thăng, tàu lượn, giàn khoan, tàu thuyền thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê.

18. Sản phẩm quốc phòng, an ninh theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành; sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.

20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài của công ty cho thuê tài chính được vận chuyển thẳng vào khu phi thuế quan để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính.

21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.

22. Vàng dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác ở khâu nhập khẩu.

23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định phù hợp với định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô.

24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, bao gồm cả sản phẩm là bộ phận cấy ghép lâu dài trong cơ thể người; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người khuyết tật.

25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

26. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp sau đây:

a) Quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

b) Quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân Việt Nam; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao và tài sản di chuyển trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Hàng hoá trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

d) Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ;

đ) Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo quy định của pháp luật và trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

e) Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhập khẩu.

27. Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ, không được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp được áp dụng mức thuế suất 0% quy định.

Câu 17. Đề nghị cho biết giá tính thuế giá trị gia tăng được pháp luật quy định như thế nào?

Theo Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng, giá tính thuế được quy định như sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng;

- Đối với hàng hóa nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu cộng với

các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có);

- Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0);

- Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho thời hạn thuê thì giá tính thuế là số tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;

- Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm;

- Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng;

- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng trừ tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước

(giá đất được trừ). Chính phủ quy định việc xác định giá đất được trừ quy định tại điểm này phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai;

- Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng;

- Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng hóa đơn thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng} \times \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$$

- Đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược là số tiền thu được từ hoạt động này trừ số tiền đã đổi trả cho khách không sử dụng hết và số tiền trả thưởng cho khách (nếu có), đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế giá trị gia tăng;

- Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; vận tải, bốc xếp; dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành; dịch vụ cầm đồ; sách chịu thuế giá trị gia tăng bán theo đúng giá phát hành (giá bìa); hoạt động in; dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý đòi người thứ ba bồi hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Chính phủ quy định giá tính thuế đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh quy định tại điểm này.

Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Câu 18. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng được pháp luật quy định như thế nào?

Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền;
- Đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Tuy nhiên, đối với một số hàng hóa, dịch vụ sẽ do Chính phủ quy định thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng, cụ thể bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu;
- Dịch vụ viễn thông;
- Dịch vụ kinh doanh bảo hiểm;
- Hoạt động cung cấp điện, hoạt động sản xuất điện, nước sạch;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động xây dựng, lắp đặt và hoạt động dầu khí.

Câu 19. Công ty B kinh doanh xuất khẩu hoa quả sang thị trường châu Âu. Xin hỏi, ngoài các loại thuế, lệ phí khác, công ty B chịu thuế suất giá trị gia tăng là bao nhiêu?

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng, công ty B sẽ chịu thuế suất 0% đối với hàng hóa xuất khẩu sang nước ngoài. Cụ thể, khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng quy định mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

- Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế;

- Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu;

- Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định của Chính phủ; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0%;

- Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% bao gồm: chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ cấp tín dụng; chuyển nhượng vốn; sản phẩm phái sinh; dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản phẩm xuất khẩu quy định là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính

phủ quy định phù hợp với định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô; thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; xăng, dầu mua tại nội địa bán cho cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan.

Câu 20. Đề nghị cho biết mức thuế suất 5% được áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ nào?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng, mức thuế suất 5% được áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau:

- Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác;
- Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
- Sản phẩm cây trồng, rừng trồng (trừ gỗ, măng), chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường, trừ sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. đ) Mủ cao su dạng mủ cò rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá;
- Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; xơ bông đã qua chải thô, chải kỹ; giấy in báo;

- Tàu khai thác thủy sản tại vùng biển; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính phủ;
- Thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; dược chất, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;
- Thiết bị dùng để giảng dạy và học tập bao gồm: các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước, com-pan;
- Hoạt động nghệ thuật biểu diễn truyền thống, dân gian;
- Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ xuất bản, nhập khẩu, phát hành sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số.
- Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ;
- Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở

II. HỎI ĐÁP LUẬT TỔ CHỨC TÍN DỤNG 2024

Câu 1: Hiện tôi có một tài khoản đăng ký tại Ngân hàng TMCP A. Thời gian tới công ty tôi phát sinh khá nhiều giao dịch liên quan tới đối tác bên nước ngoài, tuy nhiên tôi không biết liệu Ngân hàng TMCP A có được thực hiện thanh toán quốc tế hay không. Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định những hoạt động mà ngân hàng thương mại được phép thực hiện bao gồm những gì và khi nào thì ngân hàng thương mại được thanh toán quốc tế?

Các hoạt động mà ngân hàng thương mại được phép thực hiện được quy định tại Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó bao gồm:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - e) Thư tín dụng;
 - g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Cũng căn cứ tại Điều trên, để thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế thì ngân hàng thương mại phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản việc cho phép thực hiện hoạt động đó.

Câu 2. Xin hỏi, Ngân hàng Hợp tác xã tôi đang làm việc có một thành viên HĐQT bị khai trừ vì vi phạm pháp luật, số lượng thành viên HĐQT giảm từ 03 người còn 02 người – không đủ số lượng tối thiểu. Vậy trong trường hợp này, HĐQT cần làm gì để đảm bảo tuân thủ quy định về số lượng thành viên tối thiểu? Tại Đại hội thành viên, HĐQT đề xuất có thể thông qua một số quyết định của Ngân hàng khi chỉ có 02 thành viên tham gia được không?

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 87 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, trường hợp HĐQT không đủ số thành viên tối thiểu, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không có đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng hợp tác xã phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.

Đại hội thành viên không thể thông qua do việc giảm số lượng thành viên HĐQT không đạt ở mức tối thiểu, điều này cũng được quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều này:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của từng nhiệm kỳ do Đại hội thành viên quyết định, có tối thiểu 03 thành viên và không quá 09 thành viên.

Câu 3. Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã?

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân và nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật này và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

- Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân về kế toán, báo cáo.

- Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; báo cáo Đại hội thành viên về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội thành viên.

- Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát an toàn trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, có quyền sử dụng nguồn lực của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn

được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

- Triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định của pháp luật.

- Thông báo cho Hội đồng quản trị, báo cáo Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) khắc phục yếu kém, vi phạm trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

- Tiếp nhận kiến nghị liên quan đến ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền.

- Trưởng ban kiểm soát được tham dự nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản trị; yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội thành viên.

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Câu 4. Xin hỏi, trường hợp Ban kiểm soát của Ngân hàng hợp tác xã phát hiện sai sót trong báo cáo tài chính hàng năm thì cần thực hiện nhiệm vụ gì?

Theo khoản 3 Điều 92 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về quyền hạn, nhiệm vụ báo cáo tài chính hàng năm của ngân hàng hợp tác xã, cụ thể:

Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; báo cáo Đại hội thành viên về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội thành viên.

Câu 5. Trong quá trình làm việc, HĐQT phát hiện Ngân hàng hợp tác xã X xảy ra một số sai phạm nghiêm trọng liên quan đến việc quản lý tài chính của ngân hàng, điều này có khả năng gây ảnh hưởng đến uy tín và hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Trưởng ban kiểm soát có nhiệm vụ, quyền hạn gì để xử lý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban giám sát trong trường hợp này?

Theo quy định tại Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng 2024, Trưởng ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là hợp tác xã có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 92 của Luật này; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
- Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
- Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.

- Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

- Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

- Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Câu 6. Tôi là thành viên của Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã X. Tôi phát hiện ra một số vấn đề nghiêm trọng liên quan đến hoạt động tài chính và quản lý rủi ro của Ngân hàng. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật Việt Nam, tôi có quyền yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát bất thường để thảo luận và đưa ra giải pháp hay không?

Cá nhân có quyền yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường khi phát hiện vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính và quản lý rủi ro của Ngân hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 94 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

Câu 7. Xin hỏi trường hợp Ngân hàng hợp tác xã khuyết vị trí Tổng giám đốc thì cần bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc trong thời hạn bao nhiêu ngày?

Khoản 3 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có quy định rõ Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).

Câu 8. Xin hỏi Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng là hợp tác xã được đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hay không?

Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng là hợp tác xã được đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại khoản 9 Điều 96 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) của các tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

Câu 9. Ngân hàng nước ngoài A có tổng 15 chi nhánh tại Việt Nam. Trong trường hợp một chi nhánh của Ngân hàng A có hành vi vi phạm quy định của pháp luật thì ngân hàng nước ngoài uỷ quyền cho ai để thực hiện chịu trách nhiệm trước pháp luật của chi nhánh ngân hàng tại Việt Nam?

Tổng Giám đốc/Giám đốc chi nhánh là người được ngân hàng nước ngoài uỷ quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo khoản 2 Điều 97 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, trong đó quy định rõ:

Trường hợp một ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam và thực hiện chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo hợp nhất thì ngân hàng nước ngoài phải uỷ quyền cho một Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Câu 10. Pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài?

Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2024 quy định cụ thể về Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

- Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là người đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và điều hành hoạt động hằng ngày

theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được đồng thời là Trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam của ngân hàng nước ngoài, người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác.

- Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 41 của Luật này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm.

Hồ sơ, thủ tục chấp thuận người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông báo người được bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 44 của Luật này.

Câu 11: Tôi cùng một nhóm người dân trong xã muốn thành lập một hợp tác xã để cùng nhau sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tôi muốn được hiểu thêm về cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng là hợp tác xã?

Theo Điều 82 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã bao gồm:

- Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

- Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Câu 12: Xin hỏi trường hợp tôi là thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tôi muốn chuyển nhượng phần vốn góp có được không? Và cơ quan nào quy định điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng.

Theo Điều 78 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

- Thành viên góp vốn được chuyển nhượng phần vốn góp, ưu tiên góp thêm vốn khi tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.
- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng.

Câu 13: Ngân hàng tôi đang có một khoản vốn nhàn rỗi tương đối lớn. Để tăng hiệu quả kinh doanh, tôi đã đề xuất với các lãnh đạo cho phép ngân hàng thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần. Tuy nhiên tôi không hiện không rõ liệu quy định pháp luật có hạn chế gì liên quan đến việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại không. Xin hỏi hiện nay pháp luật quy định thế nào về việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại?

Việc thực hiện góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại cần phải tuân theo quy định tại Điều 111 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó quy định rõ:

1. Ngân hàng thương mại chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.
2. Ngân hàng thương mại phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b) Cho thuê tài chính;

c) Bảo hiểm.

3. Ngân hàng thương mại được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Ngân hàng thương mại được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

5. Ngân hàng thương mại thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.

7. Ngân hàng thương mại thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. Ngân hàng thương mại, công ty con của ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Câu 14: Hiện nay tỷ giá ngoại hối giữa đồng VNĐ và yên Nhật JPY đang có biến động khá lớn. Là CEO của Ngân hàng TMCP A, tôi đã đề xuất với Ban lãnh đạo cho phép Ngân hàng thực hiện hoạt động kinh doanh ngoại hối, tuy nhiên hiện tôi chưa rõ pháp luật Việt Nam hiện hành có quy định như thế nào về vấn đề này?

Ngân hàng thương mại được phép kinh doanh ngoại hối, tuy nhiên trước đó cần phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Bên cạnh đó, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến kinh doanh ngoại hối khác; điều kiện, hồ sơ, thủ tục có liên quan căn cứ theo Điều 112 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cụ thể:

1. Ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

- a) Ngoại hối;
- b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh; điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại.

3. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của ngân hàng thương mại cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Câu 15: Ngoài các hoạt động phổ biến như vay-nhận tiền gửi, xin hỏi một ngân hàng thương mại còn được thực hiện các hoạt động kinh doanh nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành hay không?

Ngoài các hoạt động kinh doanh phổ biến được quy định tại Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 bao gồm:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng thương mại có thể được thực hiện một số hoạt động khác khi được sự cho phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan, bao gồm:

1. Ngân hàng thương mại được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

2. Ngân hàng thương mại được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

b) Phát hành trái phiếu;

c) Lưu ký chứng khoán;

d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

đ) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Ngân hàng thương mại được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Câu 16: Tôi có ý định mở một công ty tài chính tổng hợp, tuy nhiên hiện tại tôi chưa rõ phạm vi hoạt động của công ty tài chính tổng hợp được pháp luật hiện hành quy định bao gồm những gì. Xin quý cơ quan cho tôi biết cụ thể về vấn đề trên.

Hoạt động của công ty tài chính tổng hợp được quy định tại Mục 3. Hoạt động của công ty tài chính tổng hợp, Điều 115 đến Điều 119 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó quy định cụ thể hoạt động của công ty tài chính tổng hợp bao gồm:

- Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính tổng hợp (Điều 115)
- Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính tổng hợp (Điều 116)
- Mở tài khoản của công ty tài chính tổng hợp (Điều 117)
- Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính tổng hợp (Điều 118)
- Các hoạt động kinh doanh khác của công ty tài chính tổng hợp (Điều 119), bao gồm các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Câu 17: Hiện tôi đang có một khoản vốn tương đối lớn và có ý định cùng một số đối tác mở một công ty tài chính chuyên ngành, tuy nhiên hiện tại tôi chưa rõ phạm vi hoạt động ngân hàng của công ty tài chính chuyên ngành

được pháp luật hiện hành quy định bao gồm những gì. Xin quý cơ quan cho tôi biết cụ thể về vấn đề trên.

Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính chuyên ngành được quy định tại Điều 120 Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó nêu rõ các hoạt động ngân hàng của công ty tài chính chuyên ngành bao gồm 5 hoạt động sau:

1. Công ty tài chính bao thanh toán được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:

a) Bao thanh toán;

b) Hoạt động ngân hàng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 7 Điều 115 của Luật này

.

2. Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:

a) Phát hành thẻ tín dụng;

b) Hoạt động ngân hàng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 7 Điều 115 của Luật này.

3. Công ty cho thuê tài chính được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:

a) Cho thuê tài chính;

b) Hoạt động ngân hàng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 7 Điều 115 của Luật này;

c) Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.

4. Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên;

b) Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại;

c) Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó;

d) Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

5. Công ty tài chính chuyên ngành phải duy trì tỷ lệ dư nợ hoạt động cấp tín dụng chính trên tổng dư nợ cấp tín dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Câu 18: Tôi đang có nhu cầu vay một khoản tín dụng nhỏ tại Ngân hàng TMCP X. Tuy nhiên việc nhân viên ngân hàng yêu cầu tôi cung cấp rất nhiều thông tin cá nhân cũng như những thông tin liên quan đến khả năng tài chính khiến tôi ngần ngại việc bị trục lợi. Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định thế nào về vấn đề này, những thông tin tôi cần phải cung cấp cho ngân hàng bao gồm những gì?

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 102 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về việc xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính:

“Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích

sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.”

Trong đó, Điều 2 quy định:

“Tổ chức tín dụng phải có tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ sau đây:

- a) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, khoản cấp tín dụng qua thẻ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- b) Khoản cho thuê tài chính, khoản cho vay tiêu dùng, khoản cấp tín dụng qua thẻ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- c) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của quỹ tín dụng nhân dân;
- d) Khoản cho vay của tổ chức tài chính vi mô.”

Do vậy, việc ngân hàng yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Câu 19: Tôi là cán bộ tín dụng tại Ngân hàng TMCP X. Gần đây tôi có phát hiện việc một khách hàng tôi phụ trách cung cấp thông tin sai sự thật. Xin hỏi trong trường hợp này, ngân hàng tôi có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng cho khách hàng không? Quy định pháp luật Việt Nam hiện nay quy định như thế nào về việc này?

Trường hợp trên, ngân hàng hoàn toàn có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng cho khách hàng, tuy nhiên cần đảm bảo các bằng chứng xác thực cụ thể liên quan đến việc khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật cho phía ngân hàng.

Căn cứ theo Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 về việc chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi:

1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.

2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.

Câu 20: Tôi là cán bộ lưu trữ tài liệu của ngân hàng. Hiện trong quá trình rà soát hồ sơ, tôi có thấy một số hồ sơ tín dụng đang thiếu tài liệu đề nghị cấp tín dụng. Xin hỏi liệu tôi có cần phải yêu cầu cán bộ tín dụng xử lý bổ sung những tài liệu trên không? Quy định pháp luật hiện nay quy định thế nào về những hồ sơ ngân hàng bắt buộc phải lưu trữ?

Bạn bắt buộc phải yêu cầu cán bộ tín dụng xử lý bổ sung vì tài liệu đề nghị cấp tín dụng là một trong những tài liệu pháp luật quy định ngân hàng bắt buộc phải lưu trữ, căn cứ theo Khoản 1 Điều 104 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024:

Điều 104. Lưu trữ hồ sơ tín dụng

1. Tổ chức tín dụng phải lưu trữ hồ sơ tín dụng, bao gồm:

a) Tài liệu, dữ liệu đề nghị cấp tín dụng;

b) Tài liệu, dữ liệu thẩm định, quyết định cấp tín dụng;

c) Hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng; hồ sơ về biện pháp bảo đảm trong trường hợp có áp dụng biện pháp bảo đảm;

d) Tài liệu, dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản cấp tín dụng liên quan đến hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Câu 21: Xin hỏi, theo quy định mới nhất, ai là người có quyền quyết định cấp Giấy phép thành lập tổ chức tài chính vi mô? Khi tổ chức của tôi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có phải đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không?

- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có quyền quyết định cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô

- Khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng thì không phải đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vì Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Căn cứ pháp lý:

- Điều 4 Thông tư 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô quy định “Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô”

- Khoản 2 Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Điều 27. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép...2. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã...”

Câu 22: Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định thế nào về việc cho phép ngân hàng thương mại được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước?

Khoản 2 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có quy định ngân hàng thương mại được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Quy định trên dẫn chiếu tới Điều 15 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định về nghiệp vụ thị trường mở, trong đó:

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện nghiệp vụ thị trường mở thông qua việc mua, bán giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định loại giấy tờ có giá được phép giao dịch thông qua nghiệp vụ thị trường mở.

Điều này được hướng dẫn cụ thể tại Văn bản hợp nhất 09/VBHN-NHNN năm 2021 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hợp nhất Thông tư quy định về nghiệp vụ thị trường mở, bao gồm 3 Chương và 29 Điều.

Câu 23: Công ty X trong lĩnh vực tài chính là một tổ chức tín dụng vừa được cấp phép thành lập mới. Theo kế hoạch, công ty sẽ khai trương hoạt động vào ngày 01/12/2024. Trong đợt huy động vốn ban đầu, các cổ đông đã cam kết mua cổ phần và thanh toán toàn bộ số tiền vào ngày 15/11/2024. Xin hỏi thời gian được quy định như trên có chính xác không ạ?

Theo quy định của Điều 66 Luật các Tổ chức tín dụng 2024:

Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, tổ chức tín dụng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng thành lập mới hoặc trong thời hạn

30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần đối với tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.

Theo đó công ty X phải phát hành cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày khai trương hoạt động, tức là hạn chót là ngày 31/12/2024.

Nếu công ty X không phát hành cổ phiếu trong thời hạn này, cổ đông có quyền yêu cầu làm rõ trách nhiệm, và cơ quan chức năng có thể can thiệp để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, cũng như xử phạt hành chính công ty nếu có vi phạm.

Câu 24: Tôi đang có một khoản tiết kiệm và có ý định sẽ gửi tiền vào ngân hàng. Tuy nhiên qua tham khảo, tôi thấy hiện nay mỗi ngân hàng lại quy định một lãi suất riêng. Bên cạnh đó, khi tới Ngân hàng X, nhân viên tư vấn có đề nghị những mức lãi suất khác nhau cho các mốc tiền gửi khác nhau. Xin hỏi việc các ngân hàng đặt lãi suất không thống nhất như vậy có vi phạm pháp luật không? Và việc nhân viên tư vấn ngân hàng đề nghị những mức lãi suất khác nhau cho các mốc tiền gửi như vậy có khiến tôi gặp rủi ro gì không?

Ngoại trừ trường hợp hoạt động của ngân hàng có diễn biến bất thường hoặc hệ thống tổ chức tín dụng gặp bất ổn, việc các ngân hàng đặt các mức lãi suất khác nhau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, các ngân hàng và khách hàng cũng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định, do đó nếu mức lãi suất không vi phạm mức trần, khách hàng có quyền lựa chọn theo hoặc không theo mức lãi suất tiền gửi mà phía ngân hàng đề xuất.

Căn cứ pháp lý: Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cơ chế xác định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

Câu 25. Trong trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài bị cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức đó đặt trụ sở đình chỉ hoạt động, thì chi nhánh ngân hàng nước ngoài của tổ chức đó tại Việt Nam có được phép tiếp tục hoạt động kinh doanh không? Vì sao? (Điều 36)

- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài của tổ chức đó tại Việt Nam phải chấm dứt hoạt động kinh doanh vì:

+ Tổ chức tín dụng nước ngoài này có hiện diện thương mại tại Việt Nam là chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Tổ chức tín dụng nước ngoài này đã bị cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức đó đặt trụ sở đình chỉ hoạt động. Do đó, tổ chức tín dụng nước ngoài này thuộc trường hợp bị Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép đã cấp;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép phải chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực

Căn cứ pháp lý:

- Điểm e Khoản 1 Điều 36 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về thu hồi Giấy phép “1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép đã cấp trong trường hợp sau đây: ...e) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có hiện diện thương mại tại Việt Nam bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ

quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó đặt trụ sở chính thu hồi giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động. ...”;

- Khoản 3 Điều 36 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về thu hồi Giấy phép “...3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép phải chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực...”

Câu 26: Xin hỏi quy định pháp luật hiện hành về quy định nội bộ của ngân hàng cần bao gồm những nội dung nào? Hiện tôi đang xây dựng quy định nội bộ cho ngân hàng mình đang làm việc. Sau khi quy định nội bộ được ban hành, xin hỏi chúng tôi phải gửi quy định đó cho cơ quan quản lý nào và trong thời gian bao lâu?

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, các nội dung mà quy định nội bộ của ngân hàng phải có bao gồm:

- a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;
- b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;
- c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
- d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;
- đ) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của tổ chức tín dụng;
- e) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với tổ chức tín dụng phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;
- g) Quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- h) Phòng, chống rửa tiền;
- i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.

Sau khi quy định nội bộ được ban hành, căn cứ theo Khoản 3 Điều này, trong thời hạn 10 ngày, ngân hàng phải gửi nội quy trên về cho Ngân hàng Nhà nước.

Câu 27. Từ ngày 01/11/2024, Ban kiểm soát ngân hàng thương mại tôi đang công tác phải thực hiện việc kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác có liên quan để báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, việc kiểm tra được thực hiện và hoàn thành trong 07 ngày làm việc. Xin hỏi, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu cho Ngân hàng Nhà nước trong khoảng thời gian từ ngày nào đến ngày nào để đúng theo thời hạn báo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024? (Điều 52)

- Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm tra và hoàn thành trong 07 ngày làm việc (được tính từ 01/11/2024 đến hết ngày 11/11/2024). Do đó, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra (từ ngày 12/11/2024 đến hết ngày 26/11/2024) Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu cho Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 11 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định "...7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:...b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải

báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu...”

Câu 28: Xin hỏi đề đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tôi phải nộp những loại hồ sơ gì và gửi hồ sơ đến cơ quan nào? (Điều 30)

- Nộp 2 loại hồ sơ bao gồm: Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ pháp lý:

- Điều 7 Thông tư số 33/2024/TT- NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô “1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc....2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:..”

- Khoản 1, 6 Điều 9 Thông tư số 33/2024/TT- NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô 1. Ban trụ bị lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước....6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị...”

Câu 29: Tôi phụ trách việc nộp hồ sơ cấp Giấy phép cho công ty tài chính và được cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ vào ngày 30/10/2024. Sau khi nộp hồ sơ 1 tuần, tôi phát hiện hồ sơ đã nộp thiếu tài liệu nên đã đi nộp bổ sung để đủ hồ sơ hợp lệ. Đến nay là ngày 04/11/2024, quá thời hạn giải

quyết hồ sơ. Xin hỏi Ngân hàng Nhà nước có chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy phép theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024 không? (Điều 31)

- Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện đúng các quy định về thời hạn cấp Giấy phép. Do bạn có phát sinh việc nộp bổ sung hồ sơ nên thời hạn cấp Giấy phép sẽ được tính bắt đầu từ ngày bạn nộp đủ hồ sơ hợp lệ thay vì ngày hẹn trả kết quả giải quyết theo giấy hẹn ban đầu.

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 31 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “1. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài...”

Câu 30: Tôi là nhân viên phụ trách việc nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép của một ngân hàng thương mại. Do đi công tác nên tôi không thể đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở của công ty để nộp lệ phí được. Xin hỏi, tôi có thể đến Ngân hàng Nhà nước địa chỉ gần nhất để nộp tiền trực tiếp được không? Hoặc tôi có thể nộp lệ phí bằng hình thức trực tuyến được không? (Điều 32)

- Trường hợp nộp trực tiếp: Tổ chức phải nộp tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở của tổ chức

- Trường hợp nộp trực tuyến: Tổ chức có thể nộp bằng hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 4 Thông tư 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi giấy phép, cấp bổ sung nội dung

hoạt động vào giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, có quy định“1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi đặt trụ sở hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp đổi Giấy phép...”

Câu 31: Doanh nghiệp của tôi là một tổ chức tín dụng. Ngày 01/10/2024, tổ chức của tôi đã thực hiện việc công bố thông tin về khai trương hoạt động trên 02 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên 03 báo điện tử của Việt Nam và dự kiến ngày khai trương hoạt động là ngày 25/10/2024. Xin hỏi, tổ chức của tôi đã thực hiện đúng hay sai quy định nào về công bố thông tin khai trương hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024? Tại sao? (Điều 33)

- Thực hiện đúng: Công bố thông tin về khai trương hoạt động trên 02 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên 03 báo điện tử của Việt Nam;

- Thực hiện sai: Công bố thông tin về khai trương hoạt động 25 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động

Căn cứ pháp lý:

- Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về công bố thông tin về khai trương hoạt động“...Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải công bố trên 01 phương tiện truyền thông của

Ngân hàng Nhà nước và trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động...”

Câu 32. Anh A là trưởng ban kiểm soát ở tổ chức tín dụng. Vì lý do khách quan nên phải vắng mặt ở công ty trong một thời gian. Trong thời gian vắng mặt, anh A đã ủy quyền cho duy nhất chị B - một thành viên khác của Ban kiểm sát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của anh A. Xin hỏi việc anh A ủy quyền cho chị B có đúng quy định không? Tại cuộc họp Hội đồng quản trị, chị B có quyền phát biểu ý kiến và biểu quyết không? Tại sao? (Điều 53)

- Anh A ủy quyền cho một thành viên một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt là đúng quy định. Do đó, chị B được thực hiện các quyền của anh A tại cuộc họp Hội đồng quản trị, chị B có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 5 Điều 53 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “...5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết...”

- Khoản 10 Điều 53 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “...10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.....”

Câu 33. Do dịch bệnh bùng phát, giãn cách xã hội nên ngân hàng A không tổ chức được các hoạt động dẫn đến quá thời hạn triển khai hoạt động khai trương theo quy định. Xin hỏi, theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024, trong trường hợp này, Giấy phép đã cấp cho ngân hàng A có hết hiệu lực không? Tại sao ? (Điều 34)

- Việc ngân hàng A không tổ chức được khai trương hoạt động theo đúng thời hạn quy định do sự kiện bất khả kháng là dịch bệnh, giãn cách xã hội. Do đó, Giấy phép đã cấp cho ngân hàng A vẫn còn hiệu lực, ngân hàng A có thể tổ chức khai trương hoạt động khi kết thúc giãn cách xã hội.

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 3 Điều 34 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về điều kiện khai trương hoạt động “...3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. Ngân hàng Nhà nước công bố trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước về Giấy phép hết hiệu lực...”

Câu 34. Khi đăng ký đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, tổ chức tôi có điền đủ các danh mục trong tên của tổ chức tài chính vi mô. Vậy, xin hỏi sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tôi được sử dụng những tên nào trong quá trình giao dịch? (Điều 35)

- Tổ chức phải sử dụng đúng tên được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động được cấp. Bao gồm: Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; Tên đầy đủ bằng tiếng Anh; Tên viết tắt

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 35 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “Điều 35. Sử dụng Giấy phép: 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép...”

- Phụ lục số 03 quy định mẫu giấy phép đối với trường hợp thành lập tổ chức tài chính vi mô (Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Câu 35. Tôi đang thực hiện thủ tục thay đổi về tạm ngừng giao dịch 05 ngày cho ngân hàng thương mại. Xin hỏi thay đổi này có cần phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi không? Vì sao? (Điều 37)

- Không. Trường hợp tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày trở lên thì tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi

Căn cứ pháp lý:

- Điểm e Khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận “1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây: ... e) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng;...”

Câu 36. Tôi là CEO của Ngân hàng TMCP A. Do sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính nên các chi nhánh đã thành lập của Ngân hàng A có sự thay đổi địa chỉ. Sau sáp nhập, chúng tôi hiện đang có 9 chi nhánh trên địa bàn tỉnh và tôi muốn đề nghị Hội đồng quản trị cho phép thành lập thêm 3 chi nhánh nữa trên địa bàn. Xin hỏi quy định pháp luật có cho phép chúng tôi thực hiện điều này không? (Điều 38)

- Việc xác định địa điểm của chi nhánh đã thành lập căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị. Ví dụ trước sáp nhập: Chi nhánh nằm trên địa bàn Hà Tây, tại thời điểm đề nghị thành lập thêm chi nhánh mới Hà Tây đã sáp

nhập vào Hà Nội, do đó, chi nhánh đã thành lập được xác định nằm trên địa bàn Hà Nội.

- Ngân hàng thương mại A không thể đề nghị thành lập thêm 03 chi nhánh. Do ngân hàng thương mại chỉ được thành lập tối đa 10 chi nhánh tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội. Do đó, nếu thành lập thêm, ngân hàng thương mại A chỉ có thể đề nghị thành lập thêm 01 chi nhánh trong khu vực nội thành thành phố Hà Nội.

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2024 ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại

“....2. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại các điểm N1, N2, M1, M2 nêu tại khoản 1 Điều này được căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận”

Câu 37. Trong Dự thảo Điều lệ của ngân hàng thương mại có ghi một số các nội dung, trong đó có: Nội dung hoạt động; Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ; Nguyên tắc chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên; Người đại diện theo pháp luật; Các trường hợp, thủ tục giải thể; Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc). Xin hỏi, theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024, nội dung nào được phép đưa vào, không được phép đưa vào Điều lệ của ngân hàng thương mại? Tại sao? (Điều 39)

- Điều lệ của ngân hàng thương mại gồm các nội dung: Nội dung hoạt động; Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ; Người đại diện theo pháp luật; Các trường hợp, thủ tục giải thể

- Nội dung: Nguyên tắc chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên; Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) là những nội dung thuộc điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và không có trong nội dung điều lệ của tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại

Căn cứ pháp lý:

- Điểm b, d, i, n Khoản 1 Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “Điều 39. Điều lệ của tổ chức tín dụng: 1. Điều lệ của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn phải có các nội dung chủ yếu sau đây:... b) Nội dung hoạt động;... d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;... i) Người đại diện theo pháp luật;... n) Các trường hợp, thủ tục giải thể;”

- Điểm b, e Khoản 2 Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “Điều 39. Điều lệ của tổ chức tín dụng:...2. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có các nội dung chủ yếu sau đây:... b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc);... e) Nguyên tắc chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên;..”

Câu 38. Tôi đang tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng A để phục vụ cho việc phỏng vấn xin việc tại đây sắp tới. Xin hỏi, theo Luật Các tổ chức tín dụng, cơ cấu tổ chức, quản lý của tổ chức tín dụng A được quy định như thế nào, được biết A là tổ chức tài chính vi mô? (Điều 40)

- Vì A là tổ chức tài chính vi mô nên hình thức pháp lý là công ty trách nhiệm hữu hạn. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm: Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 6 Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “Điều 6. Hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng... 6. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.”

- Khoản 1, 2 Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “2. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)...”

Câu 39. Tôi đã từng là người quản lý của tổ chức tín dụng A trong khoảng thời gian từ 01/10/2022 đến hết 10/10/2023. Hiện tại, tôi muốn trở thành thành viên độc lập Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng A có được không? (Điều 41)

- Không. Vì trường hợp này đã từng là người quản lý của tổ chức tín dụng tại thời điểm bất kỳ trong 05 năm liền kề trước khi xét tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị, do đó không đáp ứng điều kiện tại Điểm d Khoản 2 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng 2024

Căn cứ pháp lý:

- Điểm d Khoản 2 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “...2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:... đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó....”

Câu 40. Ngày trước, tôi đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân tại thời điểm doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản. Xin hỏi. hiện tại tôi có thể đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của một tổ chức tín dụng được không? Tại sao? (Điều 42)

Căn cứ vào trường hợp cụ thể mà có thể hoặc không được đảm nhiệm chức vụ Giám đốc:

- Không. Vì người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân tại thời điểm doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ Giám đốc theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

- Có. Nếu thuộc trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 3 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng:... c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ...”

Câu 41. Ông A là Chủ tịch Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trong thời gian giữ chức vụ tại tổ chức này, ông A có thành lập và làm người quản lý của một doanh nghiệp khác. Vậy, xin hỏi, ông A có vi phạm quy định về cùng đảm nhiệm chức vụ tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024 không? Tại sao? (Điều 43)

- Có, vì ông A là Chủ tịch Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên ông A không được đồng thời là người quản lý doanh nghiệp khác

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã...”

Câu 42. Ông A là Giám đốc chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam. Do có việc đột xuất, ông A đi vắng nên không có người ký văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sách dự kiến nhân sự. Do phải nộp gấp nên Phó giám đốc đã ký văn bản này. Xin hỏi, việc Phó giám đốc ký văn bản này có đúng thẩm quyền? (Điều 44)

- Nếu không có văn bản Giám đốc ủy quyền cho Phó giám đốc ký, việc Phó giám đốc tự ý ký văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sách dự kiến nhân sự là không đúng thẩm quyền;

- Nếu có văn bản Giám đốc ủy quyền cho Phó giám đốc ký (văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật), Phó giám đốc có quyền ký văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sách dự kiến nhân sự;

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 10/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng

nước ngoài “1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 22/2018/TT-NHNN như sau: ““2. Văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự:... b) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Văn bản do Tổng giám đốc (Giám đốc) ký. Trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật...”

Câu 43. Tôi và chị A đang làm việc trong cùng một tổ chức tín dụng. Chị A là Kế toán trưởng, tôi là thành viên Hội đồng quản trị. Qua mai mối, chị A có quen và kết hôn với anh trai tôi. Vậy theo các quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024, tôi có thuộc trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị không? Tại sao? (Điều 45)

- Có thuộc trường hợp đương nhiên mất tư cách vì bạn đang đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời chị dâu lại là kế toán trưởng trong cùng một tổ chức tín dụng

Căn cứ pháp lý:

- Điểm a Khoản 1 Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng: a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật này...”

- Khoản 3 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “3. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của tổ chức tín dụng đó.”

Câu 44. Tôi là thành viên của Ban kiểm soát thuộc một tổ chức tín dụng. Tôi bị tai nạn giao thông, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính mạng, sức khỏe, mất khả năng nhận thức, phải nằm viện 09 tháng để điều trị. Sau khi khôi phục nhận thức, tôi có liên hệ tới đồng nghiệp để hỏi về tình hình công việc, hoạt động của công ty, và được biết trong thời gian tôi nằm viện, do không liên lạc được với tôi, công ty đã bãi nhiệm tôi với lý do không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục. Xin hỏi trong trường hợp này, công ty bãi nhiệm tôi có đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2024? Tại sao? (Điều 46)

- Việc công ty bãi nhiệm là không đúng quy định vì trường hợp này thuộc trường hợp bất khả kháng- Bạn bị tai nạn giao thông, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính mạng, sức khỏe, mất khả năng nhận thức, phải nằm viện 09 tháng để điều trị, quá thời gian 06 tháng bạn mới khôi phục nhận thức để liên hệ về công ty.

Căn cứ pháp lý:

- Điểm b Khoản 1 Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 45 của Luật này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:.... b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;...”

Câu 45. Trong thời gian giữ chức vụ tại ngân hàng thương mại, ông A có thành lập và làm người quản lý của một doanh nghiệp khác. Vậy, xin hỏi Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông A và bãi nhiệm đối với ông A không? Tại sao? (Điều 47)

- Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của ông A do ông A có vi phạm trong việc cùng đảm nhiệm chức vụ

- Ngân hàng Nhà nước không có quyền bãi nhiệm đối với A. Nhưng Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bãi nhiệm đối với ông A

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật này hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

Câu 46. Trong năm vừa qua, tổ chức tín dụng tôi đang làm việc bị lỗ nên Kế toán trưởng muốn nghỉ làm, chuyển sang tổ chức khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị vì muốn giữ nhân viên ở lại nên dự định tăng lương cho Kế toán trưởng. Xin hỏi Chủ tịch làm như vậy có được không? Tại sao? (Điều 48)

- Trong tổ chức tín dụng, Kế toán trưởng là một trong những người điều hành và theo quy định thì không được phép tăng lương cho người điều hành khi tổ chức tín dụng bị lỗ

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 8 Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi tổ chức tín dụng đó bị lỗ.”

Câu 47. Tôi là thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng, hiện tại tôi đang tổng hợp các thông tin cá nhân để cung cấp cho tổ chức tín dụng. Xin hỏi, theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024, tôi có phải cung cấp thông tin của bác ruột, cô ruột của tôi cho tổ chức tín dụng không? Tại sao? Nếu có thì tôi cần cung cấp thông tin gì của họ? (Điều 49)

- Có. Vì bác ruột, cô ruột là người có liên quan của bạn. Và thông tin về người có liên quan là cá nhân phải được cung cấp cho tổ chức tín dụng Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân

- Cung cấp thông tin về người có liên quan: quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin

Căn cứ pháp lý:

- Điểm d Khoản 24 Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “24. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:... d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;”

- Điểm c Khoản 1 Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phải cung cấp cho tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:... c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân

nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;...”

Câu 48. Anh A đang làm việc tại một tổ chức tài chính vi mô. Do anh A có năng lực và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nên mọi người trong công ty muốn đề xuất lãnh đạo cho anh làm Trưởng ban Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự liệu có được không? (Điều 50)

- Nếu anh A không là thành viên Hội đồng thành viên, anh A không thể trở thành Trưởng ban của Ủy ban

- Nếu anh A là thành viên Hội đồng thành viên, anh A có thể trở thành Trưởng ban của một Ủy ban (Trưởng ban Ủy ban quản lý rủi ro hoặc Trưởng ban Ủy ban nhân sự)

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 2 Điều 12 Thông tư 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô quy định “...2. Cơ cấu tổ chức của hai Ủy ban do Hội đồng thành viên quyết định nhưng mỗi Ủy ban phải có tối thiểu hai thành viên, Trưởng ban là thành viên Hội đồng thành viên. Một thành viên Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Trưởng ban và các thành viên khác của hai Ủy ban do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô....”

Câu 49: Tôi đang công tác ở một chi nhánh ngân hàng nước ngoài A tại Việt Nam, đã hoạt động đến nay được 02 năm. Xin hỏi, hiện tại nếu ngân hàng nước ngoài A muốn đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng thứ hai trở lên tại Việt Nam có được không? Tại sao?

- Không. Vì ngân hàng nước ngoài A hiện tại chưa đáp ứng đủ điều kiện để đề nghị thành lập thêm chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên ở Việt Nam.

Cụ thể: Chi nhánh đang hoạt động tại Việt Nam tính đến năm đề nghị thành lập thêm chi nhánh thứ hai trở lên chưa hoạt động đủ 03 năm trở lên để ngân hàng A bảo đảm việc tuân thủ chính sách pháp luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và kết quả kinh doanh có lãi của chi nhánh này.

Căn cứ pháp lý:

- Điểm d Khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 “d) Trường hợp đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam trong 03 năm liền kề trước năm đề nghị thành lập chi nhánh mới không vi phạm quy định của pháp luật, các tỷ lệ bảo đảm an toàn và có kết quả kinh doanh có lãi.”

Câu 50. Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại tôi đang công tác có nhiệm kỳ từ năm 2022 đến hết năm 2026. Vào ngày 10/01/2024, một thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm do có vi phạm trong công tác và tôi được thay thế vào vị trí đó. Xin hỏi, theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024, nhiệm kỳ của tôi sẽ kết thúc vào thời gian nào? (Điều 51)

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là từ năm 2022 đến hết năm 2026. Bạn là thành viên được thay thế nên nhiệm kỳ của thành viên thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Do đó, nhiệm kỳ của bạn sẽ kết thúc khi hết năm 2026 hoặc kết thúc khi Ban kiểm soát mới tiếp quản công việc.

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 2, 4 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “...4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. ...”

Câu 51. Quá trình giám sát hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, Ban kiểm soát đã phát hiện và kịp thời thông báo cho Hội đồng thành viên về hành vi vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Kế toán trưởng và yêu cầu Kế toán trưởng chấm dứt ngay hành vi vi phạm, có giải pháp khắc phục hậu quả. Xin hỏi, theo Luật Các tổ chức tín dụng 2024, trong trường hợp này, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn chưa? Tại sao? (Điều 52)

- Ban kiểm soát chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn. Trong trường hợp này, ngoài thông báo cho Hội đồng thành viên về hành vi vi phạm, Ban kiểm soát còn phải kịp thời thông báo cho chủ sở hữu và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 8, 13 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát...8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên khi phát hiện người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).... 13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật này.”

Câu 52. Thôi là thành viên của Ban kiểm soát ngân hàng thương mại. Hiện tại tôi đang cần các số liệu của hoạt động kinh doanh để phục vụ việc

thực hiện các nhiệm vụ được giao. Xin hỏi, tôi có thể yêu cầu những ai, chức vụ gì của tổ chức mình cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh? (Điều 54)

- Bạn có quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công. Trong đó:

+ Người quản lý tổ chức tín dụng bao gồm: Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại

+ Người điều hành tổ chức tín dụng bao gồm: Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 25, 26 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “..25. Người điều hành tổ chức tín dụng bao gồm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng. 26. Người quản lý tổ chức tín dụng bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng...”

- Khoản 6 Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định “... 6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công...”

Câu 53. Tôi đang làm việc ở một công ty tài chính chuyên ngành. Trong quá trình hoạt động, công ty tôi gặp nhiều vấn đề dẫn tới vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật. Vậy, xin hỏi, trong trường

hợp này, tôi có thể đề xuất hướng xử lý nào cho lãnh đạo công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật? (Điều 28)

- Công ty tài chính chuyên ngành là tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Do đó, trong trường hợp này, bạn có thể đưa ra hướng xử lý cho lãnh đạo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, doanh nghiệp phải xử lý như sau:

+ Xây dựng và tự triển khai thực hiện phương án xử lý để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

+ Trong thời gian tối đa 30 ngày khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, phải có văn bản báo cáo phương án xử lý và cam kết thực hiện phương án gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Giá trị thực của vốn điều lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

(ii) Nguyên nhân giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định;

(iii) Các biện pháp bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;

- Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (nếu có)."

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 7 Thông tư 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

“1. Khi giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng giảm thấp hơn mức vốn pháp định, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải:

a) Xây dựng và tự triển khai thực hiện phương án xử lý để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

b) Trong thời gian tối đa 30 ngày khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, phải có văn bản báo cáo phương án xử lý và cam kết thực hiện phương án gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Giá trị thực của vốn điều lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;

(ii) Nguyên nhân giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định;

(iii) Các biện pháp bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;

c) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).…”

Câu 54: Xin hỏi nếu trong trường hợp khuyết Tổng giám đốc trong thời gian bao lâu thì tổ chức tín dụng phải bầu ra Tổng giám đốc mới?

Theo quy định khoản 3 Điều 55 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).

Câu 56: Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc?

Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều 56 Luật các Tổ chức tín dụng 2024, cụ thể:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của tổ chức tín dụng.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường.

10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh tổ chức tín dụng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.

12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của tổ chức tín dụng.

13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

14. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Câu 55: Xin hỏi pháp luật Việt Nam định nghĩa thế nào hệ thống kiểm soát nội bộ? Tổ chức tín dụng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu như thế nào?

Theo quy định khoản 1 Điều 57 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.

Đồng thời khoản 2 Điều 57 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 cũng nêu ra Tổ chức tín dụng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu:

- Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
- Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
- Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.

Câu 56: Xin hỏi tổ chức tín dụng phát hiện có dấu hiệu bất thường trong việc thực hiện các quy trình nội bộ, nhưng Ban kiểm toán nội bộ lại không thực hiện rà soát và báo cáo kịp thời. Trong trường hợp này xử lý như thế nào?

Trên thực tế, tổ chức tín dụng có khả năng vi phạm, không thực hiện đúng quy trình, quy định nếu Ban kiểm toán nội bộ không thực hiện đúng trách nhiệm được quy định. Theo khoản 2, khoản 3 Điều 58 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

- Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.

Câu 57: Xin hỏi một tổ chức tín dụng lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập vào ngày 15/12/2023 để kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2024. Tuy nhiên, đến ngày 20/01/2024, tổ chức tín dụng vẫn chưa thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập. Vậy tổ chức tín dụng đang vi phạm luật định có phải không?

Theo quy định tại Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 về hoạt động kiểm toán độc lập:

- Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt

động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

Câu 58: Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về cổ phần, cổ đông của Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần? Cổ phần, cổ đông được chia ra làm mấy loại? Mỗi loại được quy định như thế nào? Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần có hạn chế số lượng tối đa không?

Theo quy định tại Điều 60 Luật các Tổ chức tín dụng 2024:

- Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

- Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;

b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết.

- Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp tổ chức tín dụng kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần

ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý, người điều hành khác của tổ chức tín dụng không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do tổ chức tín dụng đó phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

- Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định tại Mục 4 Chương X của Luật này.

Câu 59: Xin hỏi tôi là cổ đông phổ thông đối của Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần thì có được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán không? Và được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không?

Theo khoản 3, khoản 9 Điều 61 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định các quyền của cổ đông phổ thông như sau:

- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong tổ chức tín dụng.

- Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của tổ chức tín dụng không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.

Câu 60: Xin hỏi pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông đối với Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần? Tổ chức tín dụng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư không?

Theo Điều 62 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định, cổ đông phổ thông có những nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông của tổ chức tín dụng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do tổ chức tín dụng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức tín dụng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào tổ chức tín dụng;

b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật này;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do

phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng; không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của tổ chức tín dụng;

đ) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Chịu trách nhiệm khi nhân danh tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

g) Bảo mật thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho tổ chức tín dụng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Câu 61: Xin hỏi tỉ lệ sở hữu cổ phần của Tổ chức tín dụng được quy định như thế nào? Nhà đầu tư nước ngoài có được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam không? Điều này thể hiện ra sao?

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 63 Luật các Tổ chức tín dụng 2024

- Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.

- Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.

- Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.

Tuy nhiên khoản 4 Điều 63 cũng nêu rõ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật này;

- Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

- Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.

Theo đó khoản 7 Điều 63 cũng quy định: Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Chính phủ quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

Câu 62: Xin hỏi trong thời gian xử lý hậu quả trách nhiệm cá nhân của nhân sự công ty tôi theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì

thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) có được chuyển nhượng cổ phần không?

Theo khoản 2 Điều 64 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Câu 63: Tôi là Giám đốc tài chính của Ngân hàng TMCP A, vì tình hình tài chính của Ngân hàng đang tốt và Giám đốc điều hành có đề xuất tăng tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng đối với lượng cổ phần lưu thông trên thị trường cổ phiếu. Tuy nhiên chúng tôi chưa rõ hiện pháp luật quy định thế nào về tỷ lệ cổ phần mà Ngân hàng được phép mua lại. Xin hỏi quy định pháp luật hiện hành quy định thế nào về vấn đề trên?

Theo Điều 65 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

Tổ chức tín dụng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng.

Câu 64: Xin hỏi Đại hội đồng cổ đông tổ chức họp thường niên khi nào? Những trường hợp nào phải tổ chức cuộc họp bất thường?

Theo quy định của khoản 1 Điều 67 Luật các Tổ chức tín dụng 2024: Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Theo đó, khoản 2 Điều 67 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 cũng quy định Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của tổ chức tín dụng;
- Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật này;
- Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Câu 65: Xin hỏi quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo những quy định gì?

Theo khoản 4 Điều 67 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:

- Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- Trừ trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;
- Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm h và điểm q khoản 3 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;
- Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm s khoản 3 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;
- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.

Câu 66: Một tổ chức tín dụng tổ chức Đại hội đồng cổ đông, sau cuộc họp, các nghị quyết được thông qua bao gồm việc thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị và phê duyệt báo cáo tài chính. Xin hỏi tổ chức tín dụng này

phải thực hiện thủ tục gì với Ngân hàng Nhà nước, và thời hạn thực hiện là bao lâu?

Theo Điều 68 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức tín dụng phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Câu 67: Xin hỏi Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần cần có tối thiểu bao nhiêu thành viên? Một nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị kéo dài bao nhiêu năm và được quy định ra sao?

Theo khoản 1 Điều 69 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.

Theo đó khoản 2 Điều 69 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 cũng chỉ ra: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Câu 68: Xin hỏi Hội đồng Quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần có được thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác không? Và được thông qua hợp đồng, giao dịch khác với giá trị bao nhiêu?

Theo khoản 6, khoản 9 Điều 70 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần:

“ 6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.

9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng giữa tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng.”

Câu 69: Xin hỏi theo pháp luật Việt Nam Chủ tịch Hội đồng Quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần có những quyền và nghĩa vụ gì theo quy định pháp luật, và vai trò của họ trong việc điều hành Hội đồng Quản trị được thể hiện như thế nào?

Theo Điều 71 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần:

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
8. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
9. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Câu 70: Xin hỏi thành viên Hội đồng Quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần có được đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không? Và không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp nào?

Theo khoản 3, khoản 5 Điều 72 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần:

“ 3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật này.”

Câu 71: Xin hỏi tôi là chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tôi muốn số lượng Hội đồng thành viên gồm 11 thành viên được không? Và bổ nhiệm nhiệm kỳ tối đa bao nhiêu năm? Nghĩa vụ của tôi cần thực hiện là gì?

Theo điểm a, điểm c khoản 1 Điều 73 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Quyền của chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

“ 1. Chủ sở hữu có các quyền sau đây:

a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên và ghi trong Điều lệ của tổ chức tín dụng, nhưng không ít hơn 05 thành viên và không quá 09 thành viên;

c) Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;”

Theo đó, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên và ghi

trong Điều lệ của tổ chức tín dụng, nhưng không ít hơn 05 thành viên và không quá 09 thành viên. Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

Theo khoản 2 Điều 73 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Nghĩa vụ của chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

2. Chủ sở hữu có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Góp vốn đầy đủ và đúng thời hạn như đã cam kết;
- b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;
- c) Xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của tổ chức tín dụng;
- d) Tuân thủ pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác giữa tổ chức tín dụng và chủ sở hữu;
- đ) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Câu 72: Xin hỏi Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty TNHH một thành viên có quyền quyết định những vấn đề gì? Nếu họ bổ nhiệm Giám đốc điều hành mà không hỏi ý kiến chủ sở hữu thì có vi phạm không?

Theo khoản 2 Điều 74 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Hội đồng thành viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Ban hành Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng;
- b) Ban hành chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của tổ chức tín dụng;

c) Trình chủ sở hữu của tổ chức tín dụng phê duyệt, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của chủ sở hữu quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 73 của Luật này;

d) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;

đ) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 của Luật này;

e) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc);

g) Quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

h) Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật này;

i) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức tín dụng hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;

k) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;

l) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; hợp đồng, giao dịch khác của tổ chức tín

dụng với Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người có liên quan của họ. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết, trừ hợp đồng, giao dịch khác với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng;

m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;

n) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

o) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng;

p) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Theo đó, đối với việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành, nếu không thông qua ý kiến của chủ sở hữu, thì đây là hành động vượt thẩm quyền. Chủ sở hữu (ở đây có thể là Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan chủ quản) phải được tham khảo và phê duyệt vì đây là nhân sự cấp cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của tổ chức tín dụng.

Câu 73: Xin hỏi trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng "tự ý" phê duyệt phát hành trái phiếu mà không họp hội đồng, hay tự bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát thì có đúng quyền hạn không?

Theo Điều 75 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên, tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên.

3. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

4. Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

5. Bảo đảm thành viên Hội đồng thành viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận nội dung mà Hội đồng thành viên phải xem xét.

6. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng thành viên.

7. Giám sát thành viên Hội đồng thành viên trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.

8. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng thành viên thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

9. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng thành viên và báo cáo chủ sở hữu về kết quả đánh giá này.

10. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Theo đó, theo quy định về quyền và nghĩa vụ trên Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng "tự ý" phê duyệt phát hành trái phiếu mà không họp hội đồng là sai vì phải tổ chức họp, lấy ý kiến của Hội đồng và ra nghị quyết.

Việc bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát mà không thông qua Hội đồng cũng không đúng quyền và nghĩa vụ vì đây không phải thẩm quyền cá nhân Chủ tịch.

Câu 74: Xin hỏi trong trường hợp một thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không tham gia họp Hội đồng nhưng lại phản đối quyết định đã được thông qua, hoặc không báo cáo với Hội đồng khi thực hiện nhiệm vụ được giao, liệu hành vi này có phù hợp với quyền và nghĩa vụ được quy định hay không? Xin cho biết cụ thể quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên để đảm bảo trách nhiệm và sự đồng thuận trong hoạt động của tổ chức.

Theo Điều 76 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy chế nội bộ của Hội đồng thành viên và phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của tổ chức tín dụng, chủ sở hữu; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp Hội đồng thành viên bất thường.

4. Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo quy định của Luật này, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước Hội đồng thành viên về quyết định của mình.

Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

5. Thực hiện quyết định của chủ sở hữu và nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

6. Giải trình trước chủ sở hữu, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

7. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Theo đó:

- Về việc không tham gia họp nhưng phản đối quyết định: Đây là hành vi không đúng quy định. Theo khoản 4 Điều 76 thành viên Hội đồng có nghĩa vụ tham gia đầy đủ các cuộc họp và đóng góp ý kiến trong quá trình ra quyết định. Nếu không tham gia, thành viên không thể có cơ sở hợp lý để phản đối quyết định của Hội đồng sau đó. Điều này có thể gây mất tính đồng thuận và ảnh hưởng đến sự quyết đoán của Hội đồng.

- Về việc không báo cáo khi thực hiện nhiệm vụ: Theo khoản 2 Điều 76 Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo. Việc không báo cáo sẽ làm mất tính minh bạch, ảnh hưởng đến quá trình giám sát và kiểm soát trong tổ chức tín dụng.

Câu 75: Xin hỏi Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có bắt buộc phải là pháp nhân hay không? Tổng số thành viên góp vốn tối đa là bao nhiêu thành viên?

Theo khoản 1 Điều 77 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải là pháp nhân. Tổng số thành viên góp vốn không được vượt

quá 05 thành viên. Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tối đa của một thành viên, một thành viên và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

Việc góp vốn và tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của tổ chức trong nước và nước ngoài tại tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Câu 76: Xin hỏi trong trường hợp một thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên muốn Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát trên cơ sở phần vốn góp của mình trong tổ chức tín dụng hoặc theo thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn có được không và có được cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính hằng năm và tài liệu, dữ liệu khác của tổ chức tín dụng?

Theo điểm a, b khoản 2 Điều 77 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định:

Thành viên góp vốn có các quyền sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát trên cơ sở phần vốn góp của mình trong tổ chức tín dụng hoặc theo thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn;

b) Được cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính hằng năm và tài liệu, dữ liệu khác của tổ chức tín dụng;

Câu 77: Tôi xin hỏi nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được bổ sung hoặc thay thế sẽ kéo dài trong khoảng thời

gian nào, và Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc có tiếp tục hoạt động hay không trước khi nhiệm kỳ mới tiếp quản?

Theo khoản 1 Điều 79 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 quy định: Nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên theo nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Câu 78: Xin hỏi Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên thì có quyền quyết định mức thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không và thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tôi được quyền phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của tổ chức tín dụng chứ?

Căn cứ vào điểm g, điểm h khoản 2 Điều Điều 79 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 Hội đồng thành viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

...g) Quyết định mức thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của tổ chức tín dụng;

Câu 79: Xin hỏi tôi cùng một nhóm người dân trong làng muốn thành lập một hợp tác xã để cùng nhau sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Chúng tôi băn khoăn về cách thức tổ chức và mục tiêu hoạt động của hợp tác xã, có thể cho tôi biết rõ hơn được không ạ?

Theo Điều 80 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 nêu rõ tính chất và mục tiêu hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã:

Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

Vì vậy, hợp tác xã không chỉ giúp các thành viên đạt được lợi ích kinh tế mà còn tạo nên sự đoàn kết và phát triển bền vững cho cả cộng đồng.

Câu 80: Xin hỏi thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm những ai?

Theo Điều 81 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã bao gồm:

- Thành viên của ngân hàng hợp tác xã bao gồm tất cả quỹ tín dụng nhân dân và pháp nhân góp vốn khác.
- Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm cá nhân, hộ gia đình và pháp nhân góp vốn.

Câu 81. Một quỹ tín dụng A đang hoạt động với vốn điều lệ hiện tại là 50 tỷ đồng. Sau khi thanh tra kiểm tra, cơ quan điều tra phát hiện vốn điều lệ của quỹ không còn đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định do một số thành viên của quỹ đã rút vốn góp. Để khắc phục tình trạng đó, quỹ tín dụng A họp và đề xuất bổ sung vốn điều lệ từ tiền của nguồn vốn góp bổ sung từ các thành viên khác của quỹ, từ lợi nhuận chưa phân phối từ năm trước chuyển sang và từ tiền hỗ trợ của một tổ chức phi chính phủ (NGO). Xin hỏi, việc bổ sung vốn điều lệ đó có phù hợp không? Căn cứ pháp lý nào quy định cụ thể về vấn đề này?

Khoản 3 Điều 83 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định cụ thể về vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được bổ sung từ các nguồn vốn sau đây:

- a) Vốn góp của thành viên;
- b) Vốn hỗ trợ của Nhà nước đối với ngân hàng hợp tác xã;
- c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- d) Nguồn vốn hợp pháp khác.

Như vậy:

- Căn cứ điểm a Khoản 3 Điều này, sử dụng nguồn vốn góp bổ sung từ các thành viên khác của quỹ là phù hợp. Đây là nguồn vốn hợp lệ và được pháp luật khuyến khích để tăng vốn điều lệ.

- Căn cứ điểm c như trên, sử dụng nguồn tiền từ lợi nhuận chưa phân phối từ năm trước chuyển sang là phù hợp, có thể lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật.

- Căn cứ điểm d như trên, sử dụng tiền hỗ trợ từ một tổ chức phi chính phủ (NGO) không phù hợp vì đây là nguồn tiền không nằm trong các nguồn cụ thể được pháp luật cho phép. Điều này cần được cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Câu 82. Tôi là một thành viên của Ngân hàng Hợp tác xã A. Tôi có phần vốn góp ở đây là 1 tỷ đồng trong tổng số vốn điều lệ 10 tỷ đồng của ngân hàng (tỷ lệ vốn góp là 10% tổng số vốn điều lệ). Xin hỏi tôi có quyền tham gia bầu cử đại biểu dự Đại hội thành viên và biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội không? Quyền này có bị ảnh hưởng bởi tỷ lệ vốn góp của tôi hay không?

Căn cứ Điều 84 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 về quyền của các thành viên hợp tác xã, quy định cụ thể:

- Tham dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu dự Đại hội thành viên, biểu quyết về nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.

- Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chức danh được bầu khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

- Gửi tiền; vay vốn; chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.

- Hưởng phúc lợi của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

- Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Ban kiểm soát giải trình về hoạt động.

- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành viên bất thường.

- Chuyển nhượng phần vốn góp và quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Được trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân; thành viên là pháp nhân góp vốn khác ra khỏi ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã.

- Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Như vậy tất cả các thành viên của Ngân hàng Hợp tác xã A đều có quyền tham dự Đại hội thành viên và biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Quyền tham gia và biểu quyết không phụ thuộc vào tỷ lệ vốn góp của thành viên nên mọi thành viên đều có quyền tham gia và biểu quyết, bầu cử đại biểu dù tỷ lệ vốn đóng góp là 10% tổng vốn điều lệ.

Câu 83. Anh A là thành viên của Ngân hàng hợp tác xã X - đại diện cho Ngân hàng ký kết hợp đồng vay vốn với một đối tác ngoài hệ thống khách hàng của Ngân hàng mà không có sự phê duyệt trước từ Hội đồng quản trị. Sau khi thực hiện hợp đồng, HĐQT phát hiện rằng hợp đồng có những điều khoản gây bất lợi cho Ngân hàng và gây thiệt hại về tài chính nghiêm trọng. Vậy xin hỏi, theo Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật, anh A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại hay không? Nếu anh A nhân danh Ngân hàng X thực hiện hành vi ký kết hợp đồng vay vốn này với mục đích tư lợi cá nhân thì anh A có thể bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng X?

Việc anh A ký kết hợp đồng vay vốn mà không có sự phê duyệt từ HĐQT và gây thiệt hại về tài chính cho Ngân hàng là hành vi sai phạm nghiêm trọng. Anh A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà mình đã gây ra; mức độ bồi thường phụ thuộc vào thiệt hại thực tế mà Ngân hàng X phải chịu. Đồng thời, nếu anh A ký kết hợp đồng vay vốn với mục đích tư lợi cá nhân, hành vi này có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật dưới mọi hình thức căn cứ Khoản 6, 7 Điều 85 Luật Các tổ chức tín dụng 2024:

- Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

- Chịu trách nhiệm khi nhân danh ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Câu 84. Ngân hàng Hợp tác xã X tổ chức Đại hội thành viên thường niên dưới hình thức đại hội đại biểu. Tuy nhiên, số lượng đại biểu tham dự chỉ đạt 90 người - không đạt quy định tối thiểu. Xin hỏi, với số lượng thành viên tham dự như vậy, Đại hội thành viên của Ngân hàng hợp tác xã X có được tổ chức hay không?

Đại hội thành viên của Ngân hàng X không đủ điều kiện hợp lệ để tiến hành do không đạt số lượng đại biểu theo Khoản 2 Điều 86 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, trong đó quy định:

Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Trường hợp tổ chức đại hội đại biểu, số lượng đại biểu tham dự do Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân quy định nhưng không ít hơn 100 đại biểu.

Câu 85. Xin hỏi cơ quan nào là cơ quan quyết định cao nhất của ngân hàng hợp tác xã? Các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể do cơ quan đó thực hiện được quy định như thế nào?

Điều 86 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định cụ thể:

Đại hội thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của ngân hàng hợp tác xã:

Đại hội thành viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;
- Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, xử lý các khoản lỗ;
- Thông qua phương án kinh doanh, kế hoạch phát triển thành viên hằng năm; mức vốn góp của thành viên;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, trừ trường hợp thay đổi vốn điều lệ do thay đổi vốn góp của thành viên;
- Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; thông qua chủ trương thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hoặc thuê Giám đốc đối với quỹ tín dụng nhân dân;
- Thông qua việc đầu tư, mua, bán tài sản cố định của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp quỹ tín dụng nhân

dân không phải kiểm toán hoặc tỷ lệ thấp hơn theo quy định của Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;

- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;

- Quyết định mức thù lao, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát;

- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và thành viên;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;

- Quyết định khai trừ thành viên là pháp nhân góp vốn khác của ngân hàng hợp tác xã, thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể tự nguyện ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;

- Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này;

- Nội dung khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.

- Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Câu 86. Hiện tại tôi và vài người bạn đang dự tính thành lập một tổ chức tín dụng dưới hình thức công ty cổ phần, nhưng nguồn vốn để thành lập lại có hạn. Xin hỏi, tôi có thể lựa chọn thành lập loại hình tổ chức tín dụng nào dưới hình thức pháp lý là công ty cổ phần mà có mức vốn pháp định thấp nhất

(lĩnh vực hoạt động ngoại trừ bao thanh toán, tín dụng tiêu dùng)? Mức tối thiểu đó là bao nhiêu?

- Một số tổ chức tín dụng được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần là: Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước (Công ty tài chính tổng hợp; Công ty tài chính chuyên ngành lĩnh vực cho thuê tài chính). Trong đó, có thể lựa chọn loại hình Công ty cho thuê tài chính có mức vốn pháp định thấp nhất là 150 tỷ đồng

Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1, 3 Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Điều 6. Hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng: 1. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc được phê duyệt.... 3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn...”

- Điều 2 Nghị định 86/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

“Điều 2. Mức vốn pháp định:

1. Ngân hàng thương mại: 3.000 tỷ đồng.

...

5. Công ty tài chính: 500 tỷ đồng.

6. Công ty cho thuê tài chính: 150 tỷ đồng...”

Câu 87. Ngân hàng hợp tác xã X tổ chức Đại hội thành viên và thông qua nghị quyết mở một chi nhánh tại tỉnh Nghệ An để mở rộng hoạt động kinh doanh. Do nhận thấy tình hình tài chính của Ngân hàng chưa khả quan, HĐQT tự quyết định trì hoãn triển khai nghị quyết của Đại hội thành viên.

Xin hỏi, việc HĐQT trì hoãn triển khai nghị quyết về mở chi nhánh như vậy có đúng quy định của pháp luật hay không?

Việc tự trì hoãn triển khai nghị quyết của Đại hội thành viên mà không thông qua Đại hội là không đúng quy định và HĐQT có thể bị yêu cầu chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 88 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, cụ thể:

HĐQT tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên. Báo cáo Đại hội thành viên kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân. Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật này và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Câu 88. Xin hỏi, trong trường hợp Chủ tịch HĐQT phát hiện tình hình tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân có một số vấn đề cần giải quyết ngay, nhưng chưa thảo luận với các thành viên trong HĐQT về các biện pháp xử lý. Chủ tịch quyết định đưa ra một quyết định về chiến lược đầu tư mới cho Quỹ tín dụng nhân dân mà không có sự thống nhất ý kiến từ HĐQT. Xin hỏi, Chủ tịch HĐQT có quyền đơn phương đưa ra quyết định hay không? Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT của Quỹ tín dụng nhân dân quy định cụ thể như thế nào?

Chủ tịch HĐQT không có quyền đơn phương đưa ra quyết định mà không có sự thống nhất ý kiến từ HĐQT hay Đại hội Thành viên. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT của tổ chức tín dụng là hợp tác xã quy định cụ thể tại Điều 89 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 như sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội thành viên.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
- Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
- Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận nội dung mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên về nhiệm vụ được giao.
- Thay mặt Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
- Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Câu 89. Tôi được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng hợp tác xã X nhiệm kỳ mới. Xin hỏi, quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT của Ngân hàng Hợp tác xã là gì?

Theo Điều 90 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định về Quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT của tổ chức tín dụng là hợp tác xã, cụ thể:

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, thành viên; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Xem xét báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính; có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

- Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.

- Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

- Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị.

- Giải trình trước Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

- Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

Câu 90. Trong trường hợp nhiệm kỳ của HĐQT của quỹ tín dụng nhân dân X kết thúc vào ngày 31/12/2024, nhưng Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thành viên Ban kiểm soát cũ hết nhiệm kỳ và từ chối tiếp tục thực hiện công việc. Vậy xin hỏi, Ban kiểm soát cũ có phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu không?

Để đảm bảo không có sự gián đoạn trong hoạt động kiểm soát tổ chức Quỹ tín dụng nhân dân X, Ban kiểm soát cũ bắt buộc phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận công việc theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, cụ thể:

Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.